TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2023/DS-PT
Ngày: 04 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3052/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1949, có mặt;

Địa chỉ: Số 266/2A bến VĐ, phường 2, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2), sinh năm 1954, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà A1: Anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1979, có mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện HH1, vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị A4, sinh năm 1952, có mặt;

Địa chỉ: Xóm 8 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

3. Bà Nguyễn Thị A5, sinh năm 1958, có mặt;

Địa chỉ: Xóm 11 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

4. Bà Nguyễn Thị A6, sinh năm 1966, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 150 đường 17 phường TK, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh Nguyễn Văn A7, sinh năm 1975, có mặt;

6. Anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1979, có mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

7. Chị Nguyễn Thị A8, sinh năm 1982, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

8. Chị Nguyễn Thị A9, sinh năm 1984, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm 15 xã HP, huyện HH1, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của chị A9: Anh Nguyễn Văn A3.

9. Anh Lê Xuân A10, sinh năm 1984, có đơn xin xét xử vắng mặt;

10. Chị Lê Thị A11, sinh năm 1987, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm 10 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

11. Chị Phạm Thị A12, sinh năm 1978, có mặt;

12. Chị Đỗ Thị A13, sinh năm 1985, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của chị A8, chị A13: Anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

13. Ông Lê Văn A14, sinh năm 1958, có mặt;

Địa chỉ: Xóm 10 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

14. Đại diện Họ N Đại tộc, vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị A1; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, ông Lê Văn A14, chị Phạm Thị A12 và chị Đỗ Thị Thu Trang; bà A1, chị A13 vắng mặt, những người khác đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A trình bày:

Bố ông là cụ Nguyễn Văn A15, chết năm 1982, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị A16, chết năm 2011. Bố mẹ ông sinh được 08 người con, gồm: Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Văn A17 (chết năm 1992), bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A18 (chết năm 1993), bà Nguyễn Thị A6 và 02 người con nhưng đã chết từ bé chưa đặt tên.

Năm 1999 lợi dụng bố đã chết, mẹ già yếu, lẩn thẩn, ông là con trai nhưng đi bộ đội đóng quân ở thành phố Hồ Chí Minh, các cô em gái lấy chồng ở xa, bà Nguyễn Thị A1 là con dâu (vợ ông Nguyễn Văn A17) đã tự đứng ra kê khai làm sổ đỏ toàn bộ phần đất thổ canh, thổ cư của bố mẹ mang tên Nguyễn Thị A2. Trong khi bà A1 đứng ra kê khai làm sổ đỏ thì mẹ và anh em ông không ai được biết. Năm 2011 mẹ ông chết, năm 2012 bà A1 cho đập toàn bộ căn nhà cổ 5 gian bằng gỗ và các công trình phụ để xây nhà mới mà không báo cho anh em ông được biết. Năm 2013 ông được nghỉ hưu về quê không có chỗ ở nên có làm một căn nhà cấp 4, một phần nằm trên đất vườn của bố mẹ, một phần mua thêm của ông A19 nhà kế bên với diện tích khoảng 70m^2 để ở và làm nơi thờ cúng ông bà vì ông là con trai trưởng. Năm 2010 ông về phép, lúc đó Họ N do ông Nguyễn Xuân A20 (trưởng họ) và ông Nguyễn Chí A21 cùng các ông trong thường trực Họ có đặt vấn đề động viên ông và gia đình nhượng lại một phần đất của gia đình cho họ N. Vì bố chết sớm, mẹ già yếu lẩm cẩm, các cô em gái đi lấy chồng, ông là con trai trưởng có bàn với anh em và mẹ nhất trí nhượng cho Họ N một phần đất. Đất nhượng cho Họ N có chiều ngang mặt đường 4m, chạy dọc Đông - Tây với giá 600.000 đồng/m^2. Do mẹ già yếu, lẩm cẩm còn ông thì ở xa; hơn nữa do bà A1 có hộ khẩu ở đây nên giao cho bà A1 đại diện đứng tên ký nhượng đất, ông thay mặt anh em xác nhận. Sau khi ông đi, ở nhà bà A1 tiếp tục bán thêm 4m chiều ngang nữa, ông A21 đại diện cho Họ đã gọi điện báo cho ông biết và khi ông về nói với mẹ, báo cho các cô em thì mọi người mới biết. Mẹ rất bực nhưng sự việc đã rồi đành phải chịu. Họ N trả tiền và bà A1 là người nhận số tiền là 74.000.000 đồng. Sau này ông về yêu cầu bà A1 phải nộp lại cho ông, ông quy ra thành 02 cây vàng rồi cho bà A1 mượn.

Ngoài ra, bà A1 mua đất của ông A19 nhà kế bên cho cháu A13 là con dâu, nhưng khi ông về làm nhà trên phần đất này ông đã trả lại tiền cho cháu A13 coi như đất này ông đã mua lại. Do đây là di sản do bố mẹ ông để lại nhưng bà A1 đang quản lý, sử dụng nên ông làm đơn đề nghị Toà án giải quyết:

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 (tức A1) đối với thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 344 tờ bản đồ số 12 tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định; đồng thời chia thừa kế di sản của bố mẹ ông để lại là các thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) trình bày: Thống nhất với ông A về quan hệ huyết thống, anh chị em trong gia đình và thời gian cụ A15, cụ A16, ông A17 và bà A18 chết. Năm 1975 bà kết hôn với ông Nguyễn Văn A17 và sống chung cùng cụ Nguyễn Văn A15 và cụ Nguyễn Thị A16 trên thửa đất đang tranh chấp; thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 diện tích 670m^2 và thửa đất số 344 tờ bản đồ số 12 diện tích 280m^2 đất vườn tạp có nguồn gốc là của cha ông nhiều đời để lại cho bố mẹ chồng bà sử dụng thờ cúng gia tiên. Trên thửa đất số 738 tờ bản đồ số 2 diện tích 580m^2 (Bản đồ 299) bố mẹ chồng bà có xây một nhà cấp bốn, nay là thửa số 22 tờ bản đồ số 18 diện tích 670m^2; một cái ao thửa 718 tờ bản đồ số 2, diện tích 300m^2 nay là thửa số 344 tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn tạp. Ông Nguyễn Văn A là con trai cả đi bộ đội rồi lập gia đình sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh còn các em gái đi xây dựng gia đình riêng, nên chỉ có vợ

chồng bà ở cùng bố mẹ chồng là cụ Nguyễn Văn A15 và cụ Nguyễn Thị A16. Sau khi cụ Nguyễn Văn A15 chết, cụ Nguyễn Thị A16 cùng toàn bộ anh chị em trong gia đình thống nhất giao toàn bộ nhà đất cho vợ chồng bà sử dụng để thờ cúng gia tiên, có trách nhiệm chăm sóc mẹ chồng cho đến khi cụ qua đời và chịu trách nhiệm nộp thuế đất với nhà nước; việc cho đất chỉ thống nhất nói miệng, không làm văn bản, giấy tờ gì. Vợ chồng bà nhận quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất của bố mẹ và chịu trách nhiệm nộp nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Từ đó đến nay, vợ chồng bà làm tròn bổn phận thờ cúng gia tiên và chăm sóc, phụng dưỡng mẹ chồng cho đến năm 2011 mẹ qua đời. Khi thực hiện chính sách chia đất phần trăm năm 1987 và thực hiện đề án 68 năm 1992 của UBND huyện HH1 (theo Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh cũ) chia ruộng đất sử dụng ổn định lâu dài cho nhân dân, chính quyền địa phương đã lấy 0,74 sào tương đương 266m^2 đất trong thổ để cân đối trừ vào diện tích đất ruộng tiêu chuẩn của hộ gia đình bà. Đến năm 1999, cơ quan nhà nước công bố chính sách kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong nhân dân; lúc đó chồng bà là Nguyễn Văn A17 đã chết, cụ A16 còn sống vẫn thống nhất cùng tất cả anh em trong gia đình nhất trí cho bà kê khai sử dụng toàn bộ nhà đất của bố mẹ chồng. Ngày 20/11/1999 gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 diện tích 670m^2 và thửa đất số 344 tờ bản đồ số 12 diện tích 280m^2 đất vườn tạp đứng tên hộ bà Nguyễn Thị A2. Thửa đất số 344 tờ bản đồ số 12 diện tích 280m^2 trước đây là đất ao, năm 1994 mẹ chồng cùng tất cả anh chị em trong gia đình đã thống nhất cho cháu Nguyễn Văn A7, năm 1995 vợ chồng cháu A7 đã vượt lập thành vườn và sử dụng từ đó đến nay; còn lại thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 diện tích 670m^2 (chưa trừ diện tích 135,1m^2 đất đã chuyển nhượng cho Họ N) để cho cháu Nguyễn Văn A3 ở làm nơi thờ cúng gia tiên, không được bán. Năm 2012 vì ngôi nhà cũ mẹ con bà đang ở đã tu sửa nhiều lần nhưng đã xuống cấp, bị hư hỏng nên gia đình bà thống nhất để cho gia đình cháu Nguyễn Văn A3, Đỗ Thị A13 tháo dỡ, hạ giải xây dựng ngôi nhà 2 tầng mới**.** Cuối năm 2013 ông A về quê nói với bà và các cô em vì ông A là con cả ở xa muốn xây ngôi nhà chung để con cháu đi về cúng giỗ nên bà nhất trí để ông A làm nhà trên đất mà gia đình bà đang sử dụng, trong đó có xây nhà trên một phần đất mà bà mua của gia đình ông A19. Ngày 20/3/2021 âm lịch tại nhà của ông A, vợ chồng cháu Nguyễn Văn A7 đã làm cỗ cúng gia tiên, ông A chủ trì cuộc họp gia đình và có sự tham dự của bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5 và bà cùng tất cả các con bà. Cuộc họp đã thống nhất cho vợ chồng cháu Nguyễn Văn A7, Phạm Thị A12 được xây nhà trên thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 có diện tích 280m^2 đất vườn tạp. Trong cuộc họp cháu A7 cũng điện thoại cho bà Nguyễn Thị A6 ở thành phố Hồ Chí Minh để thông báo và bà A6 trực tiếp nói với ông A cùng tất cả mọi người trong gia đình là bà A6 cũng nhất trí để vợ chồng cháu A7 làm nhà trên thửa đất này. Sau khi gia đình thống nhất, ngày 24/3/2021 âm lịch vợ chồng cháu A7, A12 đã xây nhà 2 tầng trên thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 có diện tích 280m^2 đất vườn tạp. Khi khởi công làm nhà và liên hoan về nhà mới, ông A cùng tất cả anh em con cháu đều có mặt cùng liên hoan vui vẻ và giúp đỡ vợ chồng cháu A7, không ai có ý kiến gì.

Năm 2010 cụ A16 bàn bạc với tất cả các con trong gia đình thống nhất chuyển nhượng cho Họ N Đại Tộc 135,1m^2 đất nằm trong thửa số 22 tờ bản đồ số 18 diện tích 670m^2 với giá 79.000.000 đồng để cụ A16 lấy tiền chi dùng sinh hoạt hàng ngày. Vì lúc đó thửa số 22 tờ bản đồ số 18 diện tích 670m^2 đứng tên bà nên gia đình thống nhất để bà viết giấy chuyển nhượng đất cho Họ N. Khi Họ N giao số tiền lần 1 là 50.000.000 đồng thì cụ A16 là người nhận còn lần 2 bà nhận thay, ông A đại diện con trai trưởng ký tên vào giấy biên nhận giao tiền lần 2 do Họ N lập. Khi gia đình bàn bạc chuyển nhượng đất cho Họ N, ông A có tham gia và biết rõ việc gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất của bố mẹ chồng vì ông A cũng tham gia bàn bạc với Họ N việc chuyển nhượng đất và thống nhất bà là người viết giấy chuyển nhượng đất cho Họ N. Cũng trong năm 2010 bà có mua thêm của gia đình ông Nguyễn Văn A19, bà Đỗ Thị A22 ở liền nhà một phần đất ở góc ao cho thổ đất của hai gia đình đều vuông thẳng vì thổ đất của hai gia đình đều chéo vát. Đến nay bà chưa làm thủ tục sang tên phần đất mua thêm này. Ông A cho rằng ngôi nhà của ông A làm có một phần trên đất mà ông A mua của gia đình ông A19 nhà kế bên 70m^2 là không đúng sự thật. Bà là người mua đất của ông A19, bà là người trả tiền, có hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/02/2010 với vợ chồng ông Nguyễn Văn A19, bà Đỗ Thị A22. Do từ năm 1982 gia đình đã thống nhất cho mẹ con bà sử dụng 02 thửa đất và có trách nhiệm chăm sóc mẹ chồng cho đến khi qua đời và thờ cúng gia tiên, gia đình bà đã làm tròn trách nhiệm, nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Nguyễn Thị A8, chị Nguyễn Thị A9, anh Lê Xuân A10, chị Lê Thị A11, chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13, ông Lê Văn A14 đều trình bày nội dung giống với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2). Đồng thời bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, ông A14, anh Lê Xuân A10, chị Lê Thị A11 đều có quan điểm: Không yêu cầu chia hưởng thừa kế tài sản nhà đất của cụ A15 và cụ A16 để lại. Nếu bắt buộc phải chia tài sản của cụ A15, cụ A16 để lại thì tặng lại phần đất được chia cho bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn A7 và anh Nguyễn Văn A3 để ở sử dụng và thờ cúng gia tiên, không yêu cầu anh A7, anh A3, bà A1 phải thanh toán lại bất kỳ khoản tiền nào.

- Uỷ ban nhân dân huyện HH1 có ý kiến: Bản đồ 299 đo đạc năm 1983 thì thửa đất số 718, tờ bản đồ số 2 diện tích 300m^2 mang tên A15; thửa số 738, diện tích 580m^2 mang tên A15. Bản đồ địa chính, Sổ mục kê đất đai, Sổ địa chính: Tại tờ bản đồ số 18, thửa 22, diện tích 670m^2 (đất ở 305m^2, đất vườn 365m^2) và tại tờ bản đồ số 12, thửa số 344, diện tích 280m^2 đất vườn mang tên Nguyễn Thị A2.

Hồ sơ giao ruộng đất ổn định lâu dài theo đề án 68/ĐA-UB, Hướng dẫn 30/HD-UB của UBND huyện (Quyết định 115/QĐ-UB, Quyết định 990/QĐ-UB của UBND tỉnh): Tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HH1 hiện không còn lưu trữ hồ sơ giao ruộng đất ổn định lâu dài theo đề án 68 và Hướng

dẫn 30. Tại UBND xã HH: Theo báo cáo số 07/BC-UBND ngày 15/3/2022 của UBND xã HH thì toàn bộ hồ sơ cân đối ruộng đất theo đề án 68 hiện UBND xã không còn lưu trữ được do thời gian lâu ngày mối mọt xông. Theo cung cấp của ông Nguyễn Trung A23, Trưởng xóm 5 xã HH: Hiện cơ sở xóm 5 còn lưu trữ được đề án 68 về cân đối ruộng đất của các hộ dân tại xóm 5 trong đó có hộ bà Nguyễn Thị A2 và phần diện tích đất trong thổ của gia đình bà A2 đã được cân đối để trừ trực tiếp vào phần diện tích đất nông nghiệp ngoài đồng theo quy định (Quyết định 115/QĐ-UB, Quyết định 990/QĐ-UB của UBND tỉnh và đề án 68/ĐA-UB, Hướng dẫn 30/HD-UB của UBND huyện).

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị A2: Thực hiện Thông tư số 302TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất, năm 1998 UBND xã HH phối hợp với Cục đo đạc bản đồ tiến hành khảo sát, đo đạc toàn bộ diện tích của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị A2 làm cơ sở cấp GCNQSD đất theo quy định. Tại danh sách các hộ sử dụng đất ở hợp pháp của xóm 5 xã HH do ông Nguyễn Trọng A24 lập biểu đã được Phó chủ tịch UBND xã HH là ông Lê Hồng A25 xác nhận và ông Nguyễn Trung A23 đại diện xóm ký xác nhận: Tại số thứ tự 51 là Nguyễn Thị A2 sử dụng đất tại thửa 22, tờ bản đồ 18, diện tích đất ở 305m^2 theo hồ sơ 299. Ngày 20/11/1999 huyện HH1 đã cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị A2, vị trí tờ bản đồ số 18, thửa 22, diện tích 670m^2 (đất ở 305m^2, đất vườn 365m^2) và tại tờ bản đồ số 12, thửa số 344, diện tích 280m^2 đất vườn; tờ bản đồ số 18, thửa số 170/2, diện tích 226m^2; tờ bản đồ số 21, thửa 40/6 diện tích 205m^2 và tờ bản đồ số 21, thửa số 31/9, diện tích 1333m^2, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. UBND huyện HH1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST, ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 39, 147, 227, 229, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về việc: Đề nghị chia di sản thừa kế đối với diện tích 280m^2 đất vườn tạp thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 và diện tích 670m^2 thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A2.

2. Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P 484329 của Uỷ ban nhân dân huyện HH1 cấp ngày 20-11-1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2 và thửa số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn A15 và cụ Nguyễn Thị A16 gồm: Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn tạp và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2, địa chỉ: xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết đối với diện tích 176m^2 đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18 đã hiến và chuyển nhượng cho từ đường Họ N đại tộc.

5. Xác định diện tích 247m^2 đất của thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 và 140m^2 đất của thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 là phần di sản của cụ Nguyễn Văn A15 đã hết thời hiệu. Giao cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) và ông Nguyễn Văn A là những người thừa kế đang quản lý phần di sản này được tiếp tục quản lý, sử dụng phần di sản đã hết thời hiệu này.

6. Phần di sản của cụ Nguyễn Thị A16 được chia cho những người được hưởng thừa kế là: Bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, ông Nguyễn Văn A mỗi người một kỷ phần; bà Nguyễn Thị A1 (Nguyễn Thị A2), anh Nguyễn Văn A3, anh Nguyễn Văn A7, chị Nguyễn Thị A8, chị Nguyễn Thị A9 được nhận một kỷ phần; ông Nguyễn Văn A14, anh Nguyễn Văn A10, chị Nguyễn Thị Nga được nhận một kỷ phần. Anh Nguyễn Văn A7 được nhận 01 kỷ phần là công sức san lấp, vượt lập, duy trì, tôn tạo đối với đất số 344 tờ bản đồ số 12. Do vậy, di sản của cụ A16 sẽ được phân chia như sau:

- Đối với thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 là: 247m^2 : 6 = 41,16m^2/kỷ phần, tương đương mỗi kỷ phần được nhận trị giá (41,16m^2 x 6.000.000 đồng/m^2) = 247.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

- Đối với thửa đất số 344 tờ bản đồ số 12 là: 140m^2 : 7 = 20m^2/kỷ phần, tương đương mỗi kỷ phần được nhận trị giá (20m^2 x 3.000.000 đồng/m^2) = 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu).

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, chị Nguyễn Thị A8, chị Nguyễn Thị A9, ông Nguyễn Văn A14, anh Nguyễn Văn A10, chị Nguyễn Thị Nga: Để lại phần di sản mà mình được nhận tặng cho anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3 và bà Nguyễn Thị A2 sử dụng, thờ cúng tổ tiên. Các đương sự không yêu cầu bà A2 hay anh A3, anh A7 phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào khác.

Bà Nguyễn Thị A1 (Nguyễn Thị A2) nhận trách nhiệm đứng tên nhận cả phần di sản được các đồng thừa kế tặng cho; giữa bà Nguyễn Thị A1 (A2) và anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3 sẽ tự phân chia không yêu cầu Toà án phân chia.

8. Chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng diện tích 358m^2 đất thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định (trong đó có 152,16m^2 đất là phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15). Nối các điểm mốc được đánh số từ 5-6-7-8-9-5 là phần đất chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng.

Chia cho ông Nguyễn Văn A được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 136m^2 đất thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định (trong đó có 94,84m^2 đất là phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15). Nối các điểm mốc được đánh số từ 7-8-13-14-15-12-7 là phần đất chia cho ông A được quản lý và sử dụng.

Từ đường Họ N đại tộc được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 176m^2 đất thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định. Nối các điểm mốc được đánh số từ 1-2-3-4-5-6-1 là phần đất của Họ N đại tộc quản lý và sử dụng.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án)

9. Chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng diện tích 280m^2 đất thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 12, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

10. Buộc bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn A 01 kỷ phần thừa kế (20m^2 đất) của thửa đất số 344 tờ bản đồ số 12, trị giá là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

11. Ông Nguyễn Văn A được nhận chênh lệch trị giá tài sản từ bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

12. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục liên quan đến đất được chia theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

Buộc bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 484329 của Uỷ ban nhân dân huyện HH1 cấp ngày 20-11-1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 cho Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện HH1, tỉnh Nam Định để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí; lãi suất chậm thi hành án; tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận được các đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13; ngày 04/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A4, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự trình bày:

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Nguyễn Thị A1 cũng như những người có kháng cáo thống nhất trình bày:* Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ A15 đã hết, nên di sản này phải được giao cho người đang quản lý là bà A1 được quyền sử dụng; ông A không sử dụng nhưng bản án sơ thẩm lại chia cho ông A ½ di sản của cụ A15 là không đúng. Hơn nữa, sau khi cụ A15 chết thì cụ A16 cùng tất cả anh em thống nhất bằng miệng giao toàn bộ nhà đất cho vợ chồng bà A1 sử dụng để thờ cúng gia tiên, có trách nhiệm chăm sóc cụ A16. Năm 1982 hộ gia đình ông A17, bà A1 được giao toàn quyền sử dụng nhà đất của cụ A15, cụ A16, nên khi thực hiện chính sách chia đất phần trăm năm 1987 thì Nhà nước đã lấy 0,74 sào tương đương 266m^2 đất trong thổ để cân đối

trừ vào diện tích đất ruộng tiêu chuẩn của hộ gia đình bà A1. Năm 1999 mặc dù ông A17 đã chết nhưng cụ A16 và anh em vẫn thống nhất để bà A1 kê khai, đứng tên trên GCNQSD đất, ngày 20/11/1999 UBND huyện HH1 đã cấp GCNQSD đất cho bà A1 đối với diện tích đất trên. Đối với thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 diện tích 280m^2 là đất ao, năm 1994 cụ A16 cùng toàn bộ anh em thống nhất cho anh Nguyễn Văn A7 và chị Phạm Thị A12 sử dụng; sau đó vợ chồng anh A7, chị A8 đã vượt lập thành vườn và sử dụng ổn định cho đến nay; chính ông A và anh em trong gia đình đã thống nhất để anh A7, chị A8 xây dựng nhà 02 tầng trên thửa đất này. Bản án sơ thẩm chưa xem xét trích công sức quản lý di sản cho bà A1 là không thỏa đáng. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận những nội dung kháng cáo của bà A1.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A trình bày: Bản án sơ thẩm giải quyết cũng chưa đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp đối với ông, nhưng để tránh việc tranh chấp, mâu thuẫn kéo dài nên ông không kháng cáo; phía bà A1 kháng cáo cho rằng cụ A15 và cụ A16 đã cho vợ chồng bà A1 đất là không có căn cứ; năm 2013 khi ông có nguyện vọng trở về quê hương sống nốt phần đời còn lại nên đã xây dựng căn nhà cấp bốn, nhưng các con của bà A1 cho rằng ông ở nhờ nên nhiều lần xúc phạm ông, nên ông mới khởi kiện; nguyện vọng của ông cũng chỉ xin một phần đất để xây dựng nơi thờ cúng gia tiên và ông sinh sống phần đời còn lại. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để chia di sản thừa kế, hủy GCNQSD đất đã cấp cho bà A1 là có căn cứ. Tuy nhiên, khi chia thừa kế Tòa án cấp sơ thẩm không trích chia công sức cho bà A1 là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm trích công sức cho bà A1 tương đương một kỷ phần thừa kế; các nội dung khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của những người kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để trích công sức cho bà A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiệu yêu cầu chia di sản thừa kế; đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án. Cụ Nguyễn Văn A15 chết năm 1982, cụ Nguyễn Thị A16 chết năm 2011. Căn cứ Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mở thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Mặc dù theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 thì đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu mở thừa kế được tính từ ngày 10/9/1990. Ngày 01/10/2020 ông A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ A15 đã hết là có căn cứ. Đối với cụ A16 chết năm 2011 nên thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn. Ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế đương sự còn đề nghị xem xét đến GCNQSD đất mà UBND huyện HH1 cấp cho bà Nguyễn Thị A1; đây là quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh, trong trường hợp này Tòa án nhân dân huyện HH1, tỉnh Nam Định thụ lý để giải quyết là không đúng, lẽ ra Tòa án huyện phải hướng dẫn đương sự khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mới đúng quy định. Tuy nhiên, sau đó Tòa án nhân dân huyện HH1 đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật tố Tụng hành chính và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung:* Xét kháng cáo của các đương sự thấy:

[3] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ cũng như các đương sự thừa nhận thì nguồn gốc thửa đất số 718, tờ bản đồ số 2 diện tích 300m^2 (Bản đồ 299 đo đạc năm 1983) và thửa số 738, tờ bản đồ số 2 diện tích 580m^2 (nay là thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn tạp và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2), địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1 có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn A15 và cụ Nguyễn Thị A16; vợ chồng bà A1 ở cùng các cụ và sau khi các cụ chết thì bà A1 sử dụng cho đến nay, năm 1999 được cấp GCNQSD đất. Bà A1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía bà A1 cho rằng; sau khi cụ A15 chết thì cụ A16 cùng toàn thể anh em thống nhất cho bà A1 được quyền quản lý, sử dụng đối với hai thửa đất này, nhưng việc tặng cho này không được lập thành văn bản; phía ông A không công nhận nên không có căn cứ xác định cụ A16 đã tặng cho vợ chồng bà A1 hai thửa đất này. Hơn nữa, đây là tài sản của cụ A15 và cụ A16, sau khi cụ A15 chết nếu cụ A16 tặng cho người khác khi chưa được sự đồng ý của tất cả các đồng thừa kế của cụ A15 cũng là trái pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây vẫn là di sản thừa kế của cụ A15 và cụ A16 là có căn cứ. Diện tích đất của thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18 có sự tăng lên một phần là do sai số khi đo đạc và một phần là do tăng tự nhiên; đến nay không có tranh chấp với các hộ liền kề. Quá trình sử dụng, từ khi cụ A15 còn

sống đã hiến cho từ đường Họ N một phần đất, do không có văn bản giấy tờ gì nên không rõ diện tích là bao nhiêu. Tháng 4/2010, cụ A16 còn sống, gia đình đã bán cho từ đường Họ N 135,1m^2 đất có chiều dài Đông - Tây là 7m, chiều Bắc - Nam dài 19,3m với giá 79 triệu đồng. Theo kết quả đo đạc thì hiện từ đường Họ N đang sử dụng phần đất mà gia đình đã hiến và bán cho Họ N với diện tích là 176m^2. Các đương sự đều không yêu cầu xem xét giải quyết đối với diện tích đất đã hiến và bán cho Họ N. Năm 2013, ông Nguyễn Văn A xây dựng một nhà cấp bốn trên một phần diện tích đất của thửa số 22, tờ bản đồ số 18; hiện bà A1 (tức A2) đang quản lý, sử dụng diện tích 358m^2 và đã xây dựng công trình trên đất; ông A đang quản lý, sử dụng diện tích 136m^2 và đã xây dựng công trình trên đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà A1 và ông A được quyền sử dụng là có căn cứ.

[4] Đối với di sản của cụ A16: Như phân tích ở trên, phần di sản của cụ A15 là ½ diện tích đất của thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18 và ½ diện tích đất của thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12; phần còn lại là ½ thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18 và ½ diện tích đất của thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12; địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định là di sản của cụ A16. Cụ thể, đối với thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 là: (670m^2 - 176m^2) : 2 = 247m^2 và thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 là: 280m^2 : 2 = 140m^2. Bà Nguyễn Thị A1 cho rằng: Năm 1992 thực hiện đề án 68, nhà nước đã lấy 0,74 sào tương đương 266m^2 đất trong thổ để cân đối trừ vào tiêu chuẩn ruộng của hộ gia đình nhà bà. Tuy nhiên, theo UBND xã HH, UBND huyện HH1 thì hiện tại xã không còn lưu trữ được hồ sơ cân đối ruộng đất theo đề án 68. Theo cung cấp của ông Nguyễn Trung A23 - Trưởng xóm 5 xã HH: Ông làm xóm trưởng xóm 5 từ năm 1993 đến nay. Hộ bà A2 có 5 khẩu, tổng diện tích đất ruộng là 6,5 sào và được thuê thêm 0,74 sào phần trăm. Diện tích đất hộ bà A2 được thuê thêm 0,74 sào là đất phần trăm, là đất thuê của xã chia cho để chăn nuôi. Do đó sau khi cân đối theo đề án 68 thì đất hộ bà A2 bị trừ 0,74 sào (vừa bằng đất phần trăm). Hiện hộ bà A2 là 5 khẩu đang sử dụng 6,5 sào là đủ số diện tích đất ruộng theo tiêu chuẩn; tiêu chuẩn đất ruộng của cụ A16, cụ A15 không bị trừ theo đề án 68. Ông cập nhật diện tích đất của các hộ theo số liệu xã gửi về. Như vậy, hộ bà A2 bị trừ 0,74 sào đất ruộng không phải là do đối trừ đất thổ mà bị lấy đất phần trăm là 0,74 sào đất ruộng là đất thuê, không nằm trong tiêu chuẩn ruộng hộ bà A2, nên không có căn cứ về việc chính quyền địa phương đã lấy 0,74 sào tương đương 266m^2 đất trong thổ để cân đối trừ vào diện tích đất ruộng tiêu chuẩn của hộ gia đình bà A2, khi thực hiện chính sách chia đất phần trăm năm 1987 và thực hiện đề án 68 năm 1992 của UBND huyện HH1. Mặc dù sau đó ông Nguyễn Trung A23 có thay đổi lời khai, nhưng việc thay đổi này không có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng quy định. Theo kết quả định giá: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định có giá 6.000.000 đồng/m^2. Thửa đất số 344 tờ bản đồ số 12 tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định có giá 3.000.000 đồng/m^2.

[5] Về xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ A16 gồm: Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Văn A17, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A18 và bà Nguyễn Thị A6. Ông Nguyễn Văn A17 chết năm 1992; ông A17 có vợ

là bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) và 04 người con, gồm: Anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Nguyễn Thị A9, chị Nguyễn Thị A8. Bà Nguyễn Thị A18 chết năm 1993; bà A18 có chồng là ông Lê Văn A14 và 02 con là chị Lê Thị A11, anh Lê Xuân A10. Ông Nguyễn Văn A17 và bà Nguyễn Thị A18 chết trước cụ A16 nên các con của ông A17, bà A18 là anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Nguyễn Thị A9, chị Nguyễn Thị A8, chị Lê Thị A11, anh Lê Xuân A10 được hưởng thừa kế thế vị từ ông A17, bà A18 theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật dân sự.

[6] Đối với việc xem xét trích công sức, thấy: Đối với thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn tạp; thửa đất này trước đây là ao, cụ A16 nói miệng cho anh A7 chứ không có văn bản giấy tờ gì; đến nay anh A7 san lấp, vượt lập và đầu năm 2021 đã xây dựng nhà trên đất. Anh A7 cho rằng anh có san lấp ao; tuy không thể chứng minh được công sức san lấp, vượt lập cụ thể được, nhưng xét từ năm 1999 thửa đất này đã được công nhận là đất vườn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trích công sức san lấp, vượt lập, duy trì, tôn tạo cho anh A7 bằng 1 kỷ phần thừa kế là phù hợp. Đối với công sức duy tu, tôn tạo của bà A1 Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng gia đình bà A1 sinh sống trên thửa đất, được hưởng hoa lợi trực tiếp từ thửa đất nên không trích công sức cho bà A1 là chưa phù hợp. Bởi vì, tuy quá trình sử dụng có được hưởng lợi tức, nhưng ngoài công sức trông coi, duy trì còn có công tôn tạo và quản lý đối với thửa đất, nên cũng cần trích một phần bằng giá trị để bù đắp cho bà A1 tương xứng với số tiền mà bà A1 phải thanh toán 01 kỷ phần (60.000.000đ) cho ông A, nên không cần buộc bà A1 phải thanh toán cho ông A giá trị kỷ phần này, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà A1 về nội dung này.

[6] Xác định phương án chia thừa kế: Từ phân tích trên thấy rằng di sản thừa kế của cụ A16 được chia cho 06 kỷ phần như bản án sơ thẩm xác định là có căn cứ. Bà A4, bà A5, bà A6, chị Nguyễn A12, chị A9, ông A14, anh A10, chị A11 thống nhất để lại phần di sản mình được nhận tặng cho anh A7, anh A3 và bà A2 sử dụng thờ cúng tổ tiên. Bà A1 (A2) nhận trách nhiệm đứng tên nhận cả phần di sản được các đồng thừa kế tặng cho; giữa bà và anh A7, anh A3 sẽ tự phân chia không yêu cầu Toà án phân chia. Các đương sự không yêu cầu bà A2 hay anh A3, anh A7 phải thanh toán khoản tiền nào khác. Xét thấy, việc tặng cho của các đồng thừa kế; sự thoả thuận của bà A2 và anh A7, anh A3 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần được chấp nhận. Theo kết quả xem xét thẩm định thì: Thửa 22, tờ bản đồ số 18, hiện có 3 hộ sử dụng, gồm: Từ đường Họ N, hộ bà Nguyễn Thị A1 (A2) và ông Nguyễn Văn A. Bà A1 và các con cũng như ông A đều có nhu cầu muốn được chia đất để sử dụng, thờ cúng gia tiên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia và giao cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được nhận quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 358m^2 (trong đó có 152,16m^2 đất là phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15); ông Nguyễn Văn A được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 136m^2 (trong đó có 94,84m^2 là một phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15); Từ đường Họ N được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 176m^2 thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18 tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định là có căn cứ. Đối với diện tích 280m^2 đất vườn thuộc thửa số 344,

tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định; hiện anh Nguyễn Văn A7 đã xây dựng công trình trên đất, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được nhận quản lý, sử dụng diện tích 280m^2 đất vườn thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 12 là phù hợp. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì cần trích công sức cho bà A1 tương đương giá trị một kỷ phần là 60.000.000đ, nên bà A1 không phải trích thanh toán cho ông A số tiền này là phù hợp.

[7] Về diện tích 26m^2 đất bà Nguyễn Thị A1 (A2) mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn A19 và bà Đỗ Thị A22 năm 2010. Hiện ông A đang sử dụng phần diện tích 26m^2 này. Tại phiên toà, các đương sự đều thống nhất không đề nghị Toà án giải quyết đối với diện tích đất này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[8] Đối với yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A2, Hội đồng xét xử nhận thấy: Như phân tích trên, di sản của cụ A15, cụ A16 để lại là với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2 và thửa số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn, nên đây là di sản thừa kế; khi cấp GCNQSD đất cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã không xem xét, xác minh làm rõ nguồn gốc sử dụng đất, mà chỉ căn cứ vào hồ sơ kê khai, đăng ký để xét duyệt cấp GCNQSD đất cho hộ bà A1 khi chưa có bất cứ văn bản nào thể hiện việc cụ A16 chuyển nhượng, tặng cho vợ chồng bà A1, ông A17; cũng như không có văn bản thể hiện sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ A15, cụ A16 nhưng vẫn cấp GCNQSD đất cho bà A1 là thiếu căn cứ, trái quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy một phần GCNQSD đất số P 484329 của Uỷ ban nhân dân huyện HH1 cấp ngày 20-11-1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2 và thửa số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn là đúng quy định.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A1 sinh năm 1954, theo quy định của Luật người cao tuổi thì bà A1 là người cao tuổi, nên thuộc đối tượng được miễn án phí; bà A1 có đơn xin miễn án phí Tòa án cấp sơ thẩm đã miễn án phí phần của bà A1 nhưng lại buộc bà A1 phải chịu phần án phí đối với phần thừa kế được tặng cho là chưa phù hợp, nên có căn cứ miễn toàn bộ án phí cho bà A1. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà A1 về nội dung này.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của những người kháng cáo.

[10] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13 và bà Nguyễn Thị A4; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định; cụ thể:

Áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về việc: Đề nghị chia di sản thừa kế đối với diện tích 280m^2 đất vườn tạp thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 và diện tích 670m^2 thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A2.

2. Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P 484329 của Uỷ ban nhân dân huyện HH1 cấp ngày 20-11-1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2 và thửa số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn A15 và cụ Nguyễn Thị A16 gồm: Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn tạp và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2, địa chỉ: xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết đối với diện tích 176m^2 đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18 đã hiến và chuyển nhượng cho từ đường Họ N đại tộc.

5. Xác định diện tích 247m^2 đất của thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 và 140m^2 đất của thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 là phần di sản của cụ Nguyễn Văn A15 đã hết thời hiệu. Giao cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) và ông Nguyễn Văn A là những người thừa kế đang quản lý phần di sản này được tiếp tục quản lý, sử dụng phần di sản đã hết thời hiệu này.

6. Phần di sản của cụ Nguyễn Thị A16 được chia cho những người được hưởng thừa kế là: Bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, ông Nguyễn Văn A mỗi người một kỷ phần; bà Nguyễn Thị A1 (Nguyễn Thị A2), anh Nguyễn Văn A3, anh Nguyễn Văn A7, chị Nguyễn Thị A8, chị Nguyễn Thị A9 được nhận một kỷ phần; ông Nguyễn Văn A14, anh Nguyễn Văn A10, chị Nguyễn Thị Nga được nhận một kỷ phần. Anh Nguyễn Văn A7 được nhận 01 kỷ phần là công sức san lấp, vượt lập, duy trì, tôn tạo đối với đất số 344 tờ bản đồ số 12. Do vậy, di sản của cụ A16 sẽ được phân chia như sau:

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, chị Nguyễn Thị A8, chị Nguyễn Thị A9, ông Nguyễn Văn A14, anh Nguyễn Văn A10, chị Nguyễn Thị Nga: Để lại phần di sản mà mình được nhận tặng cho anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3 và bà Nguyễn Thị A2 sử dụng, thờ cúng tổ tiên. Các đương sự không yêu cầu bà A2 hay anh A3, anh A7 phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào khác.

Bà Nguyễn Thị A1 (Nguyễn Thị A2) nhận trách nhiệm đứng tên nhận cả phần di sản được các đồng thừa kế tặng cho; giữa bà Nguyễn Thị A1 (A2) và anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3 sẽ tự phân chia không yêu cầu Toà án phân chia.

8. Chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng diện tích 358m^2 đất thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định (trong đó có 152,16m^2 đất là phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15). Nối các điểm mốc được đánh số từ 5-6-7-8-9-5 là phần đất chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng.

Chia cho ông Nguyễn Văn A được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 136m^2 đất thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định (trong đó có 94,84m^2 đất là phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15). Nối các điểm mốc được đánh số từ 7-8-13-14-15-12-7 là phần đất chia cho ông A được quản lý và sử dụng.

Từ đường Họ N đại tộc được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 176m^2 đất thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định. Nối các điểm mốc được đánh số từ 1-2-3-4-5-6-1 là phần đất của Họ N đại tộc quản lý và sử dụng.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án)

9. Chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng diện tích 280m^2 đất thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 12, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

10. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục liên quan đến đất được chia theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

Buộc bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 484329 của Uỷ ban nhân dân huyện HH1 cấp ngày 20-11-1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 cho Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện HH1, tỉnh Nam Định để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

11. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) và ông Nguyễn Văn A.

12. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13 và bà Nguyễn Thị A4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13, anh Nguyễn Văn A3, anh Nguyễn Văn A7 và bà Nguyễn Thị A1 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lại số 0006777, 0006778, 0006776, 0006774, 0006775 cùng ngày 06/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh Hoàng Thị Bích Hải **Thái Duy Nhiệm**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 04 tháng 4 năm 2023. Tại phòng nghị án số 5, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 357/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất" giữa:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 266/2A bến VĐ, phường 2, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2), sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền của bà A1: Anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện HH1;

2. Bà Nguyễn Thị A4, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Xóm 8 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

3. Bà Nguyễn Thị A5, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Xóm 11 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

4. Bà Nguyễn Thị A6, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 150 đường 17 phường TK, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh Nguyễn Văn A7, sinh năm 1975;

6. Anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

7. Chị Nguyễn Thị A8, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

8. Chị Nguyễn Thị A9, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm 15 xã HP, huyện HH1, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của chị A9: Anh Nguyễn Văn A3.

9. Anh Lê Xuân A10, sinh năm 1984;

10. Chị Lê Thị A11, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Xóm 10 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

11. Chị Phạm Thị A12, sinh năm 1978;

12. Chị Đỗ Thị A13, sinh năm 1985;

Người đại diện theo uỷ quyền của chị A8, chị A13: Anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

13. Ông Lê Văn A14, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Xóm 10 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

14. Đại diện Họ N Đại tộc.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13 và bà Nguyễn Thị A4; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định; cụ thể:

Áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về việc: Đề nghị chia di sản thừa kế đối với diện tích 280m^2 đất vườn tạp thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 và diện tích 670m^2 thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A2.

2. Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P 484329 của Uỷ ban nhân dân huyện HH1 cấp ngày 20-11-1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2 và thửa số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn A15 và cụ Nguyễn Thị A16 gồm: Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m^2 đất vườn tạp và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18, diện tích 670m^2, địa chỉ: xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết đối với diện tích 176m^2 đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 18 đã hiến và chuyển nhượng cho từ đường Họ N đại tộc.

5. Xác định diện tích 247m^2 đất của thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18 và 140m^2 đất của thửa đất số 344, tờ bản đồ số 12 là phần di sản của cụ Nguyễn Văn A15 đã hết thời hiệu. Giao cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) và ông Nguyễn Văn A là những người thừa kế đang quản lý phần di sản này được tiếp tục quản lý, sử dụng phần di sản đã hết thời hiệu này.

6. Phần di sản của cụ Nguyễn Thị A16 được chia cho những người được hưởng thừa kế là: Bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, ông Nguyễn Văn A mỗi người một kỷ phần; bà Nguyễn Thị A1 (Nguyễn Thị A2), anh Nguyễn Văn A3, anh Nguyễn Văn A7, chị Nguyễn Thị A8, chị Nguyễn Thị A9 được nhận một kỷ phần; ông Nguyễn Văn A14, anh Nguyễn Văn A10, chị Nguyễn Thị Nga được nhận một kỷ phần. Anh Nguyễn Văn A7 được nhận 01 kỷ phần là công sức san lấp, vượt lập, duy trì, tôn tạo đối với đất số 344 tờ bản đồ số 12. Do vậy, di sản của cụ A16 sẽ được phân chia như sau:

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị A4, bà Nguyễn Thị A5, bà Nguyễn Thị A6, chị Nguyễn Thị A8, chị Nguyễn Thị A9, ông Nguyễn Văn A14, anh Nguyễn Văn A10, chị Nguyễn Thị Nga: Để lại phần di sản mà mình được

nhận tặng cho anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3 và bà Nguyễn Thị A2 sử dụng, thờ cúng tổ tiên. Các đương sự không yêu cầu bà A2 hay anh A3, anh A7 phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào khác.

Bà Nguyễn Thị A1 (Nguyễn Thị A2) nhận trách nhiệm đứng tên nhận cả phần di sản được các đồng thừa kế tặng cho; giữa bà Nguyễn Thị A1 (A2) và anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3 sẽ tự phân chia không yêu cầu Toà án phân chia.

8. Chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng diện tích 358m^2 đất thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định (trong đó có 152,16m^2 đất là phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15). Nối các điểm mốc được đánh số từ 5-6-7-8-9-5 là phần đất chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng.

Chia cho ông Nguyễn Văn A được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 136m^2 đất thuộc thửa số 22 tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định (trong đó có 94,84m^2 đất là phần di sản đã hết thời hiệu của cụ A15). Nối các điểm mốc được đánh số từ 7-8-13-14-15-12-7 là phần đất chia cho ông A được quản lý và sử dụng.

Từ đường Họ N đại tộc được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 176m^2 đất thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 18, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định. Nối các điểm mốc được đánh số từ 1-2-3-4-5-6-1 là phần đất của Họ N đại tộc quản lý và sử dụng.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án)

9. Chia cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) được quản lý và sử dụng diện tích 280m^2 đất thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 12, tại xóm 5 xã HH, huyện HH1, tỉnh Nam Định.

10. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục liên quan đến đất được chia theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

Buộc bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 484329 của Uỷ ban nhân dân huyện HH1 cấp ngày 20-11-1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị A2 cho Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện HH1, tỉnh Nam Định để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

11. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị A1 (tức Nguyễn Thị A2) và ông Nguyễn Văn A.

12. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn A7, anh Nguyễn Văn A3, chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13 và bà Nguyễn Thị A4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho chị Phạm Thị A12, chị Đỗ Thị A13, anh Nguyễn Văn A3, anh Nguyễn Văn A7 và bà Nguyễn Thị A1 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lại số

0006777, 0006778, 0006776, 0006774, 0006775 cùng ngày 06/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí;

Nghị án kết thúc cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Đình Khánh	**Hoàng Thị Bích Hải**	**Thái Duy Nhiệm**